TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày 27/11/2017

Về việc: Chị C xin ly hôn anh H

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Minh Đoan
2. Ông Trần Xuân Thanh

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Dung; Thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/11/2017 tại trụ sở TAND huyện P để xét xử công khai vụ án thụ lý số: 180/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXX-LH ngày 03 tháng 11 năm 2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C; sinh năm 1989.

HKTT: Thôn V, xã V, huyện P, TP Hà Nội.

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Và bị đơn: Anh Phùng Văn H, sinh năm 1984;

HKTT: Thôn V, xã V, huyện P, TP Hà Nội.

Chị C có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 01/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án tại toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị C và anh Phùng Văn H, tự nguyện kết hôn vào ngày 13/11/2007. Đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới, chị về chung sống với anh H. Quan hệ vợ chồng hoà thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính, anh H ngược đãi chị. Nên đến tháng 6/2012

thì chị bỏ về quê ở Nam Định sống và ly thân anh H từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, hạnh phúc không có, chị C đề nghị được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có hai cháu là Phùng Đức T, sinh ngày 07/2/2009 và Phùng Đức H, sinh ngày 01/2/2011, hiện anh H nuôi cháu lớn, chị nuôi cháu nhỏ. Chị đề nghị được giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện tại và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có gì. Chị không yêu cầu Tòa xét.

Phía bị đơn, tại lời khai ngày 27/10/2017 anh Phùng Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H xác nhận, anh và chị C kết hôn tự nguyện năm 2007, vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn là đúng. Năm 2012, chị H lấy lý do về quê xin việc rồi ở lại Nam Định luôn mà không về đoàn tụ, nay chị C xin ly hôn, anh không đồng ý, phần vì còn tình cảm vợ chồng, phần vì thương con nhỏ, đề nghị Tòa án hòa giải cho đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phùng Đức T và Phùng Đức H như lời chị H trình bày. Anh đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có gì, anh không yêu cầu Tòa xét.

Tại phiên tòa: Chị C giữ nguyên quan điểm của mình về việc kiện.

Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng chưa đầy đủ. Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: *Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C. Giao chị C chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Phùng Đức H, giao anh H nuôi dưỡng cháu Phùng Đức T. Không xét quan hệ tài sản chung vợ chồng. Chị C phải chịu án phí LHST theo qui định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh H vắng mặt không có lý do và đây đã là lần thứ hai anh H vắng mặt. Vì vậy, theo qui định tại điều 227, 228 Bộ luật TTDS, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H .

Về Nội dung:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Phùng Văn H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, thành phố Hà Nội vào ngày 12/11/2007. Sau khi cưới, các bên cùng về chung sống với gia đình anh H ở xã V. Quan hệ vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính, quan điểm lối sống khác biệt. Nên đến tháng 6/2012,

lấy cớ xin về quê tìm việc, chị C trở về Nam Định rồi tá túc luôn tại nhà bố mẹ đẻ và ly thân anh H từ đó đến nay. Nay chị C xin ly hôn, anh H không đồng ý, thế nhưng phía anh H lại không có thiện chí về Tòa án để được Tòa án hòa giải cho đoàn tụ, hơn nữa lý do anh H xin đoàn tụ là vì thương con, chứ không hẳn xuất phát từ nhu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì vậy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C là có căn cứ. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã 05 năm, cần áp dụng các qui định tại điều 51, 56, 57 Luật HN và GĐ và điều 39 BLDS xử cho chị C được ly hôn anh H là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có hai cháu là là Phùng Đức T, sinh ngày 07/2/2009 và Phùng Đức H, sinh ngày 01/2/2011. Cháu H ở với chị C, tương tự cháu T cũng ở với anh H kể từ tháng 6/2012 đến nay. Xét đề nghị nuôi con của các bên, HĐXX nhận thấy, yêu cầu của chị C là phù hợp hơn, bởi lẽ, chị C đã nuôi dưỡng cháu H, anh H đã và đang nuôi dưỡng cháu T, thời gian các cháu ở anh, chị cũng đã kéo dài trong suốt hơn 05 năm vợ chồng ly thân, trong khi chị C về quê làm nghề may, theo chị thu nhập khoảng hơn 4 triệu đồng một tháng, thì anh H cũng làm nghề tự do (cơ khí) trên ở huyện T, theo anh, thu nhập có khá hơn chị một chút nhưng lại thất thường khoảng 6 – 7 triệu đồng/tháng. Bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bố, cháu H thì còn nhỏ, vì vậy, xét cả về điều kiện ăn, ở, thu nhập, nguyện vọng của các bên, thì cần giao cháu T cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu H giao cho chị C tiếp tục chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không đề nghị nên Tòa không xét cho đến khi một hoặc các bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi của theo qui định của pháp luật. Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh H, chị C đều thống nhất không có gì và không đề nghị Tòa xét, nên không xét .

Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Bởi những nhận định trên

TOÀ QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 39 BLDS; Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

- ***Về hôn nhân***: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Phùng Văn H

- ***Về con chung***: Giao cháu là Phùng Đức T, sinh ngày 07/2/2009, cho anh Phùng Văn H được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Phùng Đức H, sinh ngày 01/2/2011, cho chị Nguyễn Thị C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho các bên đến khi một hoặc cả hai bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi của theo qui định của pháp luật.

Anh H, chị C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- ***Về án phí***: Chị Nguyễn Thị C phải nộp **300.000** đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số **300.000**đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp tại phiếu thu số AE/2010/0004859 ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Văn Quang

Nơi nhận
- TATP
- VKS ND huyện
- Chi Cục THADS
- Sở Tư pháp
- UBND xã V
- Các ĐS